

Phương pháp dạy học từ vựng tiếng Anh ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Đức Long *

Tóm tắt: Dạy học từ vựng là một trong những hoạt động cơ bản nhất, thiết yếu nhất của quá trình học ngoại ngữ. Để học từ vựng hiệu quả, người học cần áp dụng tất cả những gì có thể (phương pháp, phương tiện, môi trường học, động cơ học...) nhằm đạt mục tiêu học tập. Nếu áp dụng phương pháp học từ vựng phù hợp, học viên có thể đạt được những kết quả tốt. Tuy nhiên, không phải phương pháp học từ vựng nào cũng hiệu quả tốt với tất cả mọi người học. Người học cần phải lựa chọn phương pháp phù hợp nhất với mình.

Từ khóa: Tiếng Anh; phương pháp dạy học; từ vựng; Việt Nam.

1. Mở đầu

Trong việc dạy học ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay, thời lượng lẫn khối lượng kiến thức dành cho học ngoại ngữ chiếm khá nhiều, nhưng kết quả học tập của học sinh vẫn chưa cao. Sự hạn chế trong phương pháp dạy học từ vựng là một trong những yếu tố then chốt khiến người học rất khó đạt được những kết quả cao. Có nhiều cấp độ khác nhau trong việc nhớ, sử dụng từ vựng, trong đó khả năng ghi nhớ từ chỉ là một trong những phần cơ bản nhất. Bài viết này trình bày thực trạng dạy học từ vựng tiếng Anh trong nhà trường ở Việt Nam, đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học từ vựng tiếng Anh nói riêng, dạy học ngoại ngữ nói chung.

2. Thực trạng dạy học từ vựng tiếng Anh ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, phương pháp dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng ở các cấp học, kể cả ở cấp đại học, cao đẳng hiện nay vẫn chủ yếu nặng về ngữ pháp. Hệ quả là nhiều học sinh học hết phổ thông vẫn không nói được tiếng Anh (hoặc nói không ai hiểu). Một trong những nguyên nhân

quan trọng của tình trạng này là phương pháp dạy học và thi ngoại ngữ còn tồn tại nhiều vấn đề.

Trong việc học ngoại ngữ, số lượng từ một người nhớ được chưa quan trọng bằng việc họ sử dụng được vốn từ của mình. Năm 2006, khi tập đoàn Intel đầu tư khoảng một tỷ USD Mỹ vào Việt Nam, một trong những ưu tiên của tập đoàn là trình độ tiếng Anh của đội ngũ nhân sự cho tập đoàn phải đạt chuẩn để có thể làm việc trong môi trường quốc tế; tuy nhiên, phần lớn sinh viên mới ra trường đáp ứng được yêu cầu về trình độ lại không thể vượt qua được yêu cầu về ngoại ngữ, điều đó khiến tập đoàn phải quyết định đầu tư rất nhiều công sức, thời gian và tiền bạc cho thế hệ nhân sự đầu tiên. Đáng buồn, đây không phải là trường hợp cá biệt. Tình trạng phổ biến của giáo dục Việt Nam là đào tạo ra nhiều thế hệ học viên không sử dụng được ngoại ngữ. Mức độ sử dụng ngoại ngữ của một người được xét ở nhiều cấp độ khác nhau, dựa trên

(*) Thạc sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT: 0977561601. Email: Duclong0067@yahoo.com.

nhiều tiêu chí trong đó có việc họ sử dụng từ vựng để đáp ứng yêu cầu sử dụng ngôn ngữ. Nếu một người có thể có vốn từ vựng 2.000 từ, họ hoàn toàn có thể giao tiếp ở mức cơ bản với người bản ngữ. Nếu họ có từ 3.000 từ trở lên, họ có thể sử dụng ngoại ngữ một cách thành thạo. Vấn đề quan trọng hiện nay của giáo dục Việt Nam đối với việc học ngoại ngữ là có tỷ lệ lớn người không sử dụng được những từ đã học để phục vụ cho công việc, cho giao tiếp.

Khái niệm mức độ thấu hiểu từ vựng thường gây sự không thống nhất giữa các nhà nghiên cứu khác nhau. Liệu một người nhớ được một từ (recall a word) và nói lên được nghĩa tương ứng của nó đối với ngôn ngữ thứ nhất, chúng ta có thể kết luận là người này đã hoàn toàn nắm bắt, thấu hiểu được từ đó không? Còn những cấp độ nào khác mà người này cần đạt được? Theo Nation, người học có thể được coi là thấu hiểu được một từ nếu có thể đưa ra được nghĩa tương ứng của từ đó bằng tiếng mẹ đẻ; phát âm được từ đó một cách chuẩn xác; nhận diện được từ đó; viết lại được từ đó; sử dụng được từ đó trong những văn cảnh khác nhau, thấu hiểu các biến thể phái sinh (nếu có) của từ⁽¹⁾.

Nếu chiếu theo quy chuẩn này, người học Việt Nam thường hay được đánh giá ở mức độ có thể nêu lên được nghĩa của từ (cấp độ một), còn những yếu tố sau ít được chú ý hơn. Người học Việt Nam thường có thể nhớ được khá nhiều từ vựng, nhưng cách sử dụng chúng lại khá hạn chế. Việc lựa chọn và vận dụng, phối hợp các tri thức và kỹ năng riêng lẻ để làm chủ được vốn từ vựng, lĩnh hội các kiến thức và phát triển năng lực, kỹ năng là cần thiết. Sau một thời gian khá dài được học tiếng Anh ở trường phổ thông, trường đại học nhiều học viên Việt Nam vẫn không thể sử dụng được

ngoại ngữ, có lượng từ vựng rất hạn chế, khả năng sử dụng từ đạt tỷ lệ rất thấp xét trên nhiều tiêu chí khác nhau. Đây là những rào cản thật sự cho việc cải cách giáo dục nói riêng, công cuộc hội nhập quốc tế của Việt Nam nói chung.

Kết quả học tập từ vựng tiếng Anh của học sinh Việt Nam còn nhiều hạn chế. Điều đó có cả nguyên nhân chủ quan lẫn nguyên nhân khách quan như sau:

Thứ nhất, nhiều học sinh Việt Nam vẫn còn tâm lý học tập thụ động, chưa tự ý thức được sự cần thiết phải nắm vững một ngoại ngữ, từ đó xem nhẹ việc học từ vựng nói riêng, ngoại ngữ nói chung. Việc học tập thụ động khiến học sinh chưa tận dụng được các ưu thế hiện nay (như truyền hình cáp, mạng internet) để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh của mình.

Thứ hai, nhiều học sinh Việt Nam chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của tiếng Anh nói riêng, ngoại ngữ nói chung, chưa dành đủ thời lượng cần thiết cho việc học ngoại ngữ nói chung, học từ vựng nói riêng. Thông thường, để làm chủ được từ vựng nói riêng, kiến thức bài giảng nói chung thì mỗi học viên cần hiểu 30% lượng kiến thức trước khi lên lớp, 50% lượng kiến thức ở trên lớp, và 20% sau giờ học. Theo Nation, học sinh cần nhớ được từ đã học theo lũy thừa của 5: sau 5 giây, sau 25 giây, sau 125 giây,... Ví dụ, nếu trong vòng 5 giây sau khi biết từ vựng mới mà người học chưa nhớ được thì xác suất họ có thể nhớ được từ đó sau này là rất thấp; tiếp theo là giai đoạn 25 giây, nếu họ chưa nhớ được từ trong giai đoạn này thì tất cả sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Giai đoạn 5 giây và 25 giây có vai trò rất quan trọng đối với việc nhớ từ, nhiều kết quả nghiên cứu

⁽¹⁾ Nation (2000), *Vocabulary Learning*, Oxford University Press.

chỉ ra rằng người học có thể làm chủ được từ mới trong giai đoạn này sẽ có nhiều cơ hội nhớ được nó trong thời gian tiếp theo.

Thứ ba, nhiều học sinh Việt Nam chưa được hướng dẫn đầy đủ, cụ thể, hợp lý về phương pháp học ngoại ngữ, chưa biết vận dụng phương pháp học ngoại ngữ hợp lý. Phương pháp học ngoại ngữ có thể coi như là một lối đi tắt: ai chọn đúng lối đi, người đó sẽ tốn ít công sức và đạt kết quả cao hơn. Để chọn phương pháp học từ vựng cho kỳ thi vào đại học, học sinh sẽ phải sử dụng những phương pháp khác với trường hợp học từ vựng để đi du lịch nước ngoài trong thời gian 1 tuần. Việc lựa chọn phương pháp như thế nào thì còn phụ thuộc vào từng người, khả năng đánh giá phân tích để đưa ra được giải pháp hợp lý, và để có được điều này, học sinh cần được hướng dẫn phương pháp học ngoại ngữ nói chung, phương pháp học từ vựng nói riêng.

Thứ tư, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói chung, dạy từ vựng của nhiều giáo viên hiện nay còn bất cập⁽²⁾. Giáo viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thay đổi cách dạy trong những lần thay đổi sách giáo khoa khiến người học và người dạy phải thích ứng nhau. Tuy nhiên, dạy học ngoại ngữ cần nhất quán, lâu dài hơn. Có khá nhiều kỹ thuật dạy từ vựng khác nhau, như “show me how” (cho tôi biết nào), “show don’t tell” (cho xem, không giải thích), visual (giáo cụ trực quan), translation (dịch trực tiếp nghĩa của từ sang tiếng mẹ đẻ). Theo quy định, giáo viên phải căn cứ vào những tình huống học tập cụ thể để có thể đưa ra những phương pháp dạy học phù hợp. Nhưng bất ngờ là, phương pháp được nhiều người sử dụng nhất, sử dụng liên tục, và hầu như cũng chỉ sử dụng nó, lại là phương pháp dịch trực tiếp sang tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Phương pháp dạy đơn điệu, nhàm chán sẽ khó lòng khơi dậy được sự

hào hứng học tập của học sinh. Điều này còn liên quan tới một thực tế đáng buồn là tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn để có thể đứng lớp vẫn còn rất khiêm tốn. Kết quả thi sát hạch đối với giáo viên gần đây cho thấy trình độ tiếng Anh của họ khá thấp. Tại tỉnh Bến Tre, chỉ có 61 trong tổng số 700 giáo viên dự thi đạt được số điểm theo yêu cầu. Tại Huế, chỉ 1/5 giáo viên trong số 500 giáo viên tiểu học và trung học cơ sở đạt được trình độ tiếng Anh B2. Tại Thủ đô Hà Nội, chỉ có 18% giáo viên tiếng Anh đạt được trình độ B2. Tại một tỉnh khác, tỷ lệ giáo viên vượt qua kỳ thi này là 1/700⁽³⁾.

Thứ năm, nội dung chương trình và những bài kiểm tra được thiết kế chưa đi sâu vào kiểm tra các mặt của từ vựng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lúng túng trong việc thiết kế chương trình giảng dạy tiếng Anh; điều đó làm học sinh gặp khó trong việc học ngoại ngữ. Nội dung giáo trình học chưa sinh động, nặng nề nhét kiến thức trong khi thời lượng dành cho thực hành lại ít. Trong khi đó, chúng ta còn thiếu trang thiết bị, giáo cụ trực quan, cơ hội giao lưu với người bản ngữ.

Rất nhiều bài thi chỉ đánh giá khả năng ghi nhớ từ của học sinh mà chưa đi sâu vào kiểm tra các mặt khác nhau của việc học từ vựng như phát âm, sử dụng từ trong văn cảnh, sự hòa hợp về từ loại,... Yêu cầu dùng từ linh hoạt, đa dạng chưa được chú trọng đúng mức trong các bài thi. Cách đánh giá kiến thức của học sinh góp phần làm học

⁽²⁾ Dương Hà (2015), *Bộ trưởng Phạm Vũ Luận: Dạy và học ngoại ngữ không giống ai trên thế giới*, Báo Người lao động. Truy cập 3/7/2015 tại: <http://laodong.com.vn/chinh-tri/bo-truong-pham-vu-luan-day-va-hoc-ngoai-ngu-khong-giong-ai-tren-the-gioi-214605.bld>.

⁽³⁾ Minh Thiên (2015), *Mục tiêu dạy tiếng Anh của Việt Nam không thực tế?* Truy cập tại: <http://huc.edu.vn/chi-tiet/1647/Bao-Anh--Muc-tieu-day-tieng-Anh-cua-VN-khong-thuc-te.html>.

sinh thụ động hơn, do tâm lý của học sinh là “thì gì, học nấy”. Trong khi thực tế cuộc sống đòi hỏi học sinh phải sử dụng được ngôn ngữ thì chương trình kiểm tra lại thường thiên về kiểm tra tính học thuộc của người học. Có nhiều học sinh nhớ rất nhiều từ nhưng không sử dụng được ngoại ngữ, xem ti vi thì không biết từ đó là gì, chỉ khi xem bản viết mới nhận ra những từ đó mình đã học rồi. Nghĩa là, học sinh phát âm sai khá nhiều, và khi tự mình phát âm sai thì sẽ gần như không thể nhận diện được âm tiếng Anh chuẩn; điều đó dẫn tới khả năng sử dụng tiếng Anh bị ảnh hưởng rất nhiều. Phần lớn sinh viên sau khi ra trường được các tập đoàn đa quốc gia tuyển dụng vào làm việc đều phải được gửi đi đào tạo lại ngoại ngữ.

3. Một số giải pháp

Thứ nhất, học sinh cần phát huy hơn nữa tính tích cực của mình. Để có thể nâng cao chất lượng học từ vựng, học sinh cần đặt ra những mục tiêu lớn và dài hạn cho việc học tiếng Anh vì học ngoại ngữ bao giờ cũng cần thời gian. Đối với việc học tiếng Anh cũng như bất kỳ ngôn ngữ nào khác, học sinh cần một khoảng thời gian nhất định, đồng thời phải tạo cho mình những bước đi vững chắc thay vì học rất nhiều mà không sử dụng được⁽⁴⁾.

Thứ hai, cần đổi mới kết cấu đề thi theo hướng đánh giá học sinh trên phương diện sử dụng ngôn ngữ hơn là chỉ chú ý tới khả năng ghi nhớ từ vựng. Một người sử dụng ngoại ngữ có thể không biết từ nọ, từ kia nhưng thông qua suy luận, đoán từ, hỏi, tra cứu vẫn có thể biết được nghĩa của từ. Nếu đề thi khuyến khích học sinh chỉ chăm chăm vào việc nhớ từ thì có thể học sinh chỉ có thể biết nghĩa của từ mà rất khó vận dụng nó trong thực tế cho mình. Kết cấu của đề thi cũ tạo ra những người học nhớ rất nhiều từ nhưng lại không sử dụng được từ vựng mà họ có.

Thứ ba, cần tích hợp phương pháp học ngoại ngữ vào trong chương trình học ngoại ngữ của học sinh. Việc này chiếm rất nhỏ quỹ thời gian học tập của học sinh nhưng lại giúp các em chủ động hơn trong việc học ngoại ngữ nói chung, học từ vựng nói riêng và tăng khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào những hoàn cảnh cụ thể. Việc áp dụng dạy phương pháp học ngoại ngữ tích hợp vào trong các bài giảng hiện có sẽ làm cho học sinh thấy được ví dụ cụ thể, sinh động của ích lợi phương pháp học ngoại ngữ hơn là lý thuyết khô khan.

Tuy nhiên, cũng cần phải chú ý khi tích hợp phương pháp học ngoại ngữ vào chương trình học vì bản thân việc áp dụng các phương pháp này cũng có những hạn chế. Ví dụ học sinh khó nhận diện được phương pháp học, phân loại và áp dụng chúng dẫn tới tình trạng các em có thể bị rối khi phải lựa chọn những phương pháp học khác nhau cho những mục tiêu học tập khác nhau, hay việc dành thời gian, công sức cho dạy học phương pháp học quá nhiều dẫn tới yêu cầu về thời gian cho bài học chính bị ảnh hưởng, và có thể xảy ra tình trạng phương pháp cần được học trước lại có thể được dạy sau, thậm chí là chưa có điều kiện để dạy lồng ghép.

Để học tốt, chúng ta cần biết rõ mục tiêu cụ thể của mình cũng như phương pháp để đạt được mục tiêu của mình, nếu không chúng ta có thể phải tốn rất nhiều thời gian để đi đến đích, hoặc có thể không bao giờ đến được đích mà cứ lần quẩn trong mớ kiến thức mênh mông. Vấn đề không phải là học bao lâu, mà là bạn đã học như thế

⁽⁴⁾ Cohen (2008), Strategy Instruction for Learners of Japanese: How do you do it and what's in it for them? In Y. A. Hatasa (ed), *Japanese as a Foreign Language Education: Multiple Perspectives*, Tokyo, pp.45-60.

nào. Chúng ta phải luôn xác định rõ mục tiêu, động lực và định hướng học tập phù hợp. Ví dụ, có nhiều học sinh không tự tin trong giao tiếp, dẫn tới khả năng nghe nói của họ thường là không giỏi bằng khả năng đọc viết. Họ cần được dạy về kỹ năng làm chủ cảm xúc (Affective strategy, theo cách phân loại của Oxford) để vượt qua sự e thẹn, sợ mắc lỗi để có thể tự tin trong giao tiếp. Tương tự, nhiều học sinh chỉ thích làm việc theo nhóm bạn yêu thích của mình, khó giao tiếp với nhóm khác, với người lạ. Họ cần được rèn luyện phương pháp giao tiếp với thế giới bên ngoài một cách tự chủ. Không chỉ là phương pháp học ngoại ngữ, việc rèn luyện như thế có thể mang lại cho học sinh rất nhiều lợi ích trong học tập các môn học khác và trong cuộc sống nói chung.

Thứ tư, học sinh cần có thêm cơ hội để thực hành ngoại ngữ. Nhà trường cần trang bị thêm những giáo cụ trực quan như máy chiếu, truyền hình cáp, mạng internet để học sinh có thêm những cơ hội trải nghiệm, thực hành ngoại ngữ trong môi trường gần giống đời thực. Học sinh có thể được tạo điều kiện để có thể có những giao lưu trực tuyến, giao lưu thực tế với người nước ngoài. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, việc giao lưu qua mạng internet là hoàn toàn khả thi. Học sinh cần được chỉ bảo, hướng dẫn để giao lưu trò chuyện với bạn bè quốc tế trong khi vẫn đảm bảo không bị các sự cố đáng tiếc xảy ra đối với việc giao lưu trên mạng internet.

4. Kết luận

Học ngoại ngữ là một quá trình. Học sinh sẽ phải học liên tục trong suốt quá trình sử dụng ngoại ngữ của mình. Vấn đề là, người học sẽ áp dụng phương pháp học phù hợp cho những nhiệm vụ học tập cụ thể. Người học cần tìm được cách học phù hợp nhất cho mình trong những hoàn cảnh

cụ thể để có thể đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của hội nhập quốc tế ngày nay.

Kiến thức nhiều đến mức nào không quan trọng bằng khả năng vận dụng những kiến thức đó. Một số học sinh tuy vốn từ vựng và ngữ pháp không quá nhiều nhưng lại giao tiếp rất tự tin và trôi chảy bằng tiếng Anh. Như vậy, họ đã có được nền tảng rất vững chắc về sau. Nếu có những định hướng phù hợp, học sinh có thể đạt được những mục tiêu học tập tiếng Anh của mình trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu tham khảo

1. Dương Hà (2015), *Bộ trưởng Phạm Vũ Luận: Dạy và học ngoại ngữ không giống ai trên thế giới*, Báo Người lao động. Truy cập 3/7/2015 tại: <http://laodong.com.vn/chinh-tri/bo-truong-pham-vu-luan-day-va-hoc-ngoai-ngu-khong-giong-ai-tren-the-gioi-214605.bld>.
2. Chamot & O'Malley (1990), *Language Learning Strategies*, Cambridge University Press.
3. Cohen (2008), "Strategy Instruction for Learners of Japanese: How do you do it and what's in it for them?" In Y. A. Hatasa (ed), *Japanese as a Foreign Language Education: Multiple Perspectives*, Tokyo, pp.45 - 60.
4. Minh Thiên (2015), *Mục tiêu dạy tiếng Anh của Việt Nam không thực tế?* Truy cập tại: <http://huc.edu.vn/chi-tiet/1647/Bao-Anh--Muc-tieu-day-tieng-Anh-cua-VN-khong-thuc-te.html>.
5. Nation (2000), *Vocabulary Learning*, Oxford University Press.
6. Nirattisai (2014), "The Different Contribution of Vocabulary Learning Strategies to Students with Varying Vocabulary Size", *Journal of Studies in Education*.
7. Oxford, R. (1990), *Language Learning Strategies: What every Teacher should know*, Heinle Publisher, New York.
8. Wenden (1987), *Language Learner Strategies*, Cambridge University Press.

